TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 152/2020/QĐST-HNGĐ	*Hải An, ngày 31 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN T LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 187/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận T ly hôn, nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Doãn Hữu T; nơi cư trú: Tổ dân phố số 4, phường Đằng Hải, quận Hải An, Hải Phòng;

Chị Hà Thị Thanh B; nơi cư trú: Tổ dân phố số 4, phường Đằng Hải, quận Hải An, Hải Phòng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Doãn Hữu T và chị Hà Thị Thanh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng vào ngày 21/12/2013. Theo anh T và chị B xác nhận: Qúa trình chung sống, vợ chồng không có hạnh phúc và thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do cả hai không có tiếng nói chung, mâu thuẫn về mọi mặt trong cuộc sống dẫn đến nhiều lần xung đột, cãi vã. Bên cạnh đó, giữa gia đình hai bên cũng như bản thân chị B và gia đình nhà chồng có nhiều bất đồng khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Tuy sống chung nhà nhưng anh chị đã ly

thân được một thời gian, không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt của đời sống. Gia đình hai bên cũng đã cố gắng hòa giải, hàn gắn mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Anh T và chị B đều nhận thấy không còn T cảm, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân nên cả hai cùng thống nhất thuận T ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận T ly hôn của anh chị là phù hợp với thực trạng mâu thuẫn cũng như đời sống hôn nhân nên có căn cứ để chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh T và chị B có 02 con chung Doãn Hữu TÂ, sinh ngày 08/12/2014 và Doãn Hữu Đ, sinh ngày 08/11/2018. Anh chị thống nhất thỏa thuận: Khi ly hôn, chị B là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Doãn Hữu Đ; anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Doãn Hữu TÂ đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Xét thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh chị là tự nguyện, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh sinh hoạt và học tập hiện tại của con chung nên có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị B thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh T và chị B thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh T và chị B mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận T ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Anh Doãn Hữu T và chị Hà Thị Thanh B cùng thống nhất thuận T ly hôn.

- Về con chung:

Giao con chung Doãn Hữu Đ, sinh ngày 08/11/2018 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao con chung Doãn Hữu TÂ, sinh ngày 08/12/2014 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh T và chị B thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung:

Anh T và chị B thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Anh T và chị B mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh T và chị B đã nộp đủ số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An theo Biên lai thu số 0005736 ngày 20 tháng 7 năm 2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THA Dân sự quận Hải An;
- UBND xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Cường